

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 532/2020/HS-PT
Ngày 29 - 10 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 488/2020/TLPT-HS ngày 06/7/2020 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Đ và ông Phạm Trọng T là đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2020/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:**

Nguyễn Thị Đ, tên gọi khác: Không, sinh năm 1971 tại Hưng Yên.

Nơi ĐKNKTT: Thôn ĐL, xã TD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1945; bị cáo có chồng: Phạm Văn Gi (đã chết) là bị hại trong vụ án; bị cáo có 03 con; con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2017 đến ngày 08/3/2018 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam để áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; ngày 03/12/2019 bị cáo tiếp tục bị tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đ: Ông Phạm Đức L - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên, có mặt.

* Bị hại: Ông Phạm Văn Gi, sinh năm 1967 (đã chết);

* Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

1. Anh Phạm Văn B, sinh năm 1990;

2. Anh Phạm Quang V, sinh năm 2000;

Đều trú tại: Thôn ĐL, xã TD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn Lưu X, xã Hồ Tùng M, huyện Ân T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại có kháng cáo: Ông Phạm Trọng T, sinh năm 1960

Trú tại: Số 69, đường Lương Văn C, phường Hạ Lo, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Đ và ông Phạm Văn Gi là vợ chồng. Tuy nhiên, trong cuộc sống hàng ngày giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Gi thường xuyên xúc phạm, hành hạ bị cáo dẫn đến bị cáo bức xúc dồn nén lâu ngày. Đỉnh điểm là ngày 10/9/2017 ông Gi điện thoại cho con rể là anh Nguyễn Công Đát, đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để vay số tiền 650 USD; ngày 11/9/2017 bị cáo tự ra ngân hàng nhận số tiền trên (quy đổi ra tiền Việt Nam là 14.751.750đ) và mang đi trả nợ cho ông Phạm Văn Mười và ông Nguyễn Văn Phương hết số tiền 11.000.000đ, số còn lại bị cáo dùng chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Khoảng 17 giờ 30 ngày 12/9/2017, khi ông Gi hỏi Đ đã trả tiền cho bác Mười chưa, Đ nói đã trả thì ông Gi chửi bới, xúc phạm bị cáo Đ; ông Gi cho rằng ông là người mượn tiền nhưng Đ tự ý chi tiêu hết, giữa hai người lời qua tiếng lại; ông Gi cầm khăn tắm vạt nhiều nhất vào mặt Đ, sau đó ông Gi gọi điện cho ông M kiểm tra xem Đ đã trả tiền cho ông M chưa; sau khi ông M cho biết Đ đã trả tiền cho mình thì ông Gi tiếp tục chửi bới, xúc phạm Đ đồng thời đe dọa Đ nếu từ ngày mai còn thấy Đ ăn cơm sẽ đánh chết và đuổi Đ đi khỏi nhà, nếu không sẽ bị giết chết. Sau khi chửi bới, đe dọa Đ, ông Gi vào trong gian buồng nằm ngủ; Đ cũng lên giường ngủ cùng con trai là anh Vinh và cháu Dũng. Tuy nhiên, do bức tức vì bị đe dọa, xúc phạm không ngủ được nên Đ nảy sinh ý định chờ ông Gi ngủ say sẽ giết. Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày, khi mọi người đang ngủ Đ vào buồng kiểm tra thấy ông Gi đã ngủ liền lấy đoạn gậy gỗ dài khoảng 69cm dưới gầm giường đi đến sát đầu giường vén màn lên và dùng hai tay cầm gậy vạt vào người ông Gi làm trúng mồm, ông Gi bật dậy và giơ tay lên đỡ, giằng gậy với Đ nhưng không tóm được; Đ tiếp tục hai tay cầm gậy vạt một nhát trúng vào đầu ông Gi làm ông Gi ngã ngửa xuống

giường; Đ tiếp tục dùng gậy gỗ chọc, đâm nhiều nhát vào đầu, mặt ngực ông Gi, có nhát trúng vào tường gây tiếng động mạnh làm anh Vinh tỉnh dậy, bật điện sáng sau đó chạy vào buồng can ngăn, dùng hai tay giữ tay Đ, nhưng bị cáo xô, đẩy anh Vinh ra tiếp tục dùng gậy chọc nhiều nhát với người ông Gi. Thấy vậy, anh Vinh tiếp tục lao vào túm tay, ôm giữ Đ và van xin Đ không đánh ông Gi nữa, đồng thời đẩy Đ ra ngoài làm gậy rơi khỏi tay Đ. Lúc này, anh Vinh khóc và nói với Đ ông Gi máu ra nhiều, để anh Vinh gọi điện cho ông Đào (là anh trai Đ) đến đưa ông Gi đi bệnh viện, nhưng Đ bảo mặc kệ nhưng anh Vinh vẫn gọi điện cho ông Đào, còn Đ đi vào phòng lấy khăn lau máu trên mặt cho ông Gi, sau đó nhặt đoạn gậy gỗ và khăn lau mặt ra nhà tắm giặt, rửa sạch máu và để đoạn gậy gỗ ở góc nhà vệ sinh tiếp tục mang khăn vào lau máu cho ông Gi thì ông Đào đến thấy ông Gi bị máu ra nhiều nên bảo phải đưa đi viện, ông Đào bảo anh Vinh gọi taxi để đưa ông Gi đi bệnh viện. Khi anh Phạm Ngọc Sản là lái xe taxi đến đã cùng ông Đào và Đ dìu ông Gi ra xe để đưa đi bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên cấp cứu, nhưng do vết thương quá nặng nên ông Gi đã tử vong ngay sau đó.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ: 01 chiếc gậy gỗ hình trụ, dài 69,5cm đường kính 3,4cm tại góc vát chéo về hướng tây của nhà vệ sinh; 09 chiếc răng; 01 chân răng; 02 chiếc dép; 01 búa đinh; một số vật dụng khác có dính chất màu nâu nghi máu; một số dấu vết màu nâu đỏ nghi máu.

Khám nghiệm tử thi Phạm Văn Gi thấy có 24 vết thương tích, gồm: Gãy hàm trên bên phải các răng số 1, 2, 3; hàm trên bên trái gãy các răng số 1, 2, 3, 4; hàm dưới bên phải gãy các răng số 1, 2, 3, 4 và hàm dưới bên trái gãy răng số 2, 3; vùng đỉnh chẩm bên phải cách chân tóc gáy 11cm có vết rách da theo chiều ngang bờ mép không gọn, sâu sát xương kích thước (1 x 0,2)cm; cách vùng đỉnh chẩm bên phải lên trên ra trước 5,5cm có vết rách da theo chiều ngang bờ mép không gọn, sâu sát xương kích thước (4 x 0,6)cm; vùng trán phải sát chân tóc trán có vết rách da theo chiều ngang bờ mép không gọn sâu hết lớp da kích thước (4,2 x 1,3)cm; vùng trán bên trái cách bờ trên cung lông mày trái 4,5cm có vết rách da theo chiều ngang bờ mép không gọn sâu hết lớp da kích thước (3,6 x 1)cm; trán mặt hai bên nằm trên đường giữa ngang cung lông mày rải rác có những vết sây sát, rách da, tụ máu kích thước (13,8 x 20)cm; trên đám sây sát rách da tụ máu tại vùng trán bên phải sát bờ dưới cung lông mày phải có vết rách hình chữ L bờ mép không gọn sâu sát xương, có kích thước (6,5 x 0,8)cm; ngang hốc mũi sát khòe trong mắt phải có vết rách da hình chữ V bờ mép không gọn sâu sát xương kích thước (6 x 1,5)cm; dọc cung lông mày trái sát bờ dưới cung lông mày có vết rách da bờ mép không gọn sâu sát xương kích thước (4 x 0,6)cm; ngang má trái cách đường giữa 3cm có vết rách da theo chiều ngang bờ mép không gọn sâu sát xương kích thước (0,4 x 3)cm; môi trên bên phải cách đường giữa 1cm có vết rách da nông bờ mép không gọn kích thước (0,6 x 0,4)cm; vùng mép trái và quanh miệng

phía bên trái nằm trên đường giữa có đám dập rách da tụ máu kích thước (6 x 4)cm; vùng cằm bên trái cách đường giữa 1,5cm có vết rách da theo chiều ngang bờ mép không gọn sâu sát xương kích thước (0,4 x 2)cm; vỡ xương thái dương hốc mắt bên phải kích thước (2 x 1)cm; vỡ xương sống mũi, xương trán và xương thành hốc mắt bên trái theo chiều ngang kích thước (8 x 2,5)cm; vỡ xương gò má hai bên và xương hàm trên, hàm dưới thành nhiều mảnh nhỏ; vùng cổ trái nằm trên đường giữa sát chân cổ rải rác có những vết bầm tím tạo đám theo chiều ngang kích thước (19 x 8,5)cm; vùng ngực hai bên nằm trên đường giữa cách đầu trong xương đòn phải 6cm rải rác có những vết sây sát rách da nông, tụ máu, tạo đám kích thước (30 x 16)cm; vùng lưng bên trái cách đường giữa 5cm có đám sây sát da tụ máu theo hình vòng cung, có kích thước (3,5 x 2,5)cm; cách vùng lưng bên trái xuống dưới 9cm cách đường giữa 3,2cm có vết sây sát da tụ máu kích thước (1,2 x 2,2)cm; gãy cung trước xương sườn số 2, 3, 4 theo đường giữa đòn bên phải; máu tụ mặt trong xương ức. Quá trình khám nghiệm tử thi đã thu giữ mẫu máu, được niêm phong ký hiệu MG1; mẫu phủ tạng và mẫu hai động mạch cảnh ở cổ của tử thi Phạm Văn Gi, được niêm phong, ký hiệu "MG".

Bản kết luận giám định số 4706/C54(TT3) ngày 08/11/2017 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Các dấu vết nghi máu ghi thu tại hiện trường ký hiệu M2 và M4 là máu người; các dấu vết nghi máu ghi thu tại hiện trường ký hiệu M1, M3, M5, M6, M8, M9, M11 là máu người và là máu của Phạm Văn Gi; trên các mẫu ký hiệu M7, M10, M11, M12, M13, DA4 và chiếc áo ký hiệu AO có bám dính máu người, là máu của Phạm Văn Gi; chiếc răng ghi thu tại hiện trường ký hiệu DA2 là răng của Phạm Văn Gi.

Bản kết luận giám định mô bệnh học số 4742/C54(P4-TT1) ngày 11/12/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Tim xung huyết, xuất huyết rải rác; phổi xẹp, xung huyết; động mạch cảnh không tổn thương. Trong mẫu phủ tạng ghi thu của tử thi Phạm Văn Gi gửi giám định không tìm thấy các chất độc.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 121/PC54 ngày 04/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đối với tử thi Phạm Văn Gi, kết luận: Cơ chế hình thành vết thương: Hai vết rách da vùng đỉnh cằm bên phải; vết rách da vùng trán bên phải; vết rách da vùng trán bên trái; vết sây sát, rách da nông vùng ngực hai bên; các vết sây sát, rách da, tụ máu vùng lưng bên trái đều do vật tày có cạnh gây ra. Vết sây sát, rách da, tụ máu vùng trán, mặt; gãy hệ thống răng hàm trên và hàm dưới; vết bầm tím vùng cổ đều do vật tày gây ra. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ. Thể loại chết: Không tự nhiên.

Bản kết luận giám định số 4718/C54(P3) ngày 09/11/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Trên 01 đoạn gãy gỗ hình trụ tròn, màu nâu, kích thước dài 69,5cm, đường kính 3,4cm phát hiện thấy một số dấu vết đường vân, các dấu vết đường vân này không đủ yếu tố giám định.

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 51/KLGD ngày 05/02/2018 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương - Bộ Y tế, kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Thị Đ không có rối loạn tâm thần. Bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Sau khi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo Nguyễn Thị Đ có biểu hiện rối loạn stress sau sang chấn. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F43.1. Bị cáo mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Bản kết luận giám định sức khỏe tâm thần sau điều trị bắt buộc chữa bệnh số 54/GĐSKTT-SBBCB ngày 20/11/2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương - Bộ Y tế, kết luận: Hiện tại bệnh tâm thần của Nguyễn Thị Đ ở giai đoạn ổn định; Đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2020/HS-ST ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Thị Đ 11 năm tù về tội “Giết người”; thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2019, được trừ thời gian tạm giam trước đó từ ngày 14/9/2017 đến ngày 08/3/2018.

Ngoài ra bản án còn xem xét về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, buộc nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2020 bị cáo Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 07/6/2020 ông Phạm Trọng T là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền cho người đại diện hợp pháp cho bị hại bổ sung thêm nội dung kháng cáo là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo; cụ thể: Đề nghị buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần, cũng như có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mẹ của bị hại.

- Bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng do ông Gi thường xuyên xúc phạm, hành hạ, đánh đập bị cáo; thậm chí đã có lần ông Gi đánh bị cáo gây thương tích phải nhập viện điều trị, dẫn đến bị cáo quá bức xúc không kiềm chế được bản thân, nên đã dùng gậy đánh ông Gi; ngoài bị cáo ra không có ai cùng bị cáo tham gia đánh ông Gi, sau khi đánh ông Gi thì bị cáo cùng với anh trai bị cáo đã đưa ông Gi đi Bệnh viện cấp cứu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được tại ngoại.

- Ông Phạm Trọng T trình bày: Căn cứ vào các vết thương trên người ông Gi thì có dấu hiệu đồng phạm; bởi vì: Ông Gi là người cao to, khỏe mạnh nên không thể dễ dàng để bị cáo đánh gục như vậy; đoạn gậy gỗ bị cáo Đ khai đã dùng

đánh ông Gi ở đầu mà có, trên đoạn gãy gỗ giám định không có vân tay nên không có giá trị chứng minh liên quan đến vụ án; bị cáo khai đánh trúng mồm ông Gi nhưng răng của còn nguyên, quá trình đánh ông Gi đưa tay lên để đỡ nhưng khám nghiệm tử thi không thấy vết thương nào ở tay; bị cáo khai sau khi đánh nhiều nhất thì dùng gậy chọc, đâm ông Gi nhưng không để lại dấu vết trên người ông Gi; ông Gi nằm trong màn nhưng bị cáo đánh không vướng vào màn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cũng như tăng hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã không tính thời gian bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo vào thời gian chấp hành hình phạt tù cho bị cáo là chưa đúng, gây bất lợi cho bị cáo, nên cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này. Đối với kháng cáo của ông Tĩnh cho rằng bỏ lọt tội phạm, nhưng căn cứ hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa không có căn cứ xác định có đồng phạm trong vụ án.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của người đại diện hợp pháp cho bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đ trình bày bài bào chữa: Không tranh luận về tội danh, về hành vi phạm tội của bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, như: Bị cáo khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo sống trong hoàn cảnh thường xuyên bị bạo lực gia đình dẫn đến bị cáo quá bức xúc, người bị hại cũng có một lỗi.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, bị cáo cho rằng do quá bức xúc vì thường xuyên bị ông Gi xúc phạm, đánh đập nên bị cáo đã dùng gậy đánh ông Gi; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đặc biệt là các kết luận giám định, kết quả thực nghiệm điều tra. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận xuất phát từ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng tối ngày 12/9/2017 do quá bức xúc vì bị chồng là ông Gi chửi bới, xúc phạm, đe dọa giết và dùng khăn đánh nhiều nhát vào mặt, lợi

dụng lúc ông Gi ngủ say, bị cáo Đ đã dùng thanh gỗ dài 69,5cm, đường kính 3,4cm đánh, đâm nhiều nhát vào vùng đầu, mặt và người ông Gi làm ông Gi bị thương, mặc dù đã được đưa đi cấp cứu nhưng do vết thương quá nặng nên ông Gi đã tử vong ngay sau đó. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”; cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, quyền được sống của con người; gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân; hành vi của bị cáo là coi thường pháp luật nên cần có biện pháp xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt, cũng như kháng cáo của ông Tỉnh đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Khi xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; đã xem xét đầy đủ, đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố, mẹ bị cáo là người có công được tặng, thưởng huân chương. Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm các con của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo từ trước tới nay chưa vi phạm gì. Đặc biệt, người bị hại cũng là chồng bị cáo và là bố của các con của bị cáo; các con của bị cáo đã quá đau thương khi mất đi người bố, mẹ phải chịu cảnh tù tội nên nếu xử bị cáo mức hình phạt tù càng dài càng làm đau thêm nỗi đau của các con bị cáo. Xem xét đến các yếu tố trên thấy rằng, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 11 năm tù là đã xem xét đầy đủ, toàn diện vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cũng như kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của ông Tỉnh.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo Đ bị tâm thần nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo từ ngày 08/3/2017 đến ngày 03/12/2018, nhưng bản án sơ thẩm lại không tính thời gian bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo vào thời hạn chấp hành hình phạt tù theo quy định tại Điều 49 Bộ luật hình sự là bất lợi cho bị cáo, nên cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Đối với kháng cáo của ông Tỉnh về việc bỏ lọt tội phạm, cũng như cơ quan Điều tra có vi phạm tố tụng, thấy: Trong quá trình điều tra, cơ quan Điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; đến giai đoạn xét xử sơ thẩm bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng không có ai khiếu nại gì. Căn cứ kết quả điều tra cũng như tại các phiên tòa, không có căn cứ chứng minh có thêm đồng phạm nào khác ngoài bị cáo, ông Tỉnh tuy có nêu băn khoăn, nghi ngờ bỏ lọt tội phạm nhưng không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh. Do đó, không có căn

cứ chấp nhận kháng cáo của ông Tĩnh. Hơn nữa, nếu có căn cứ cho rằng có đồng phạm ông Tĩnh có quyền làm đơn tố cáo gửi cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, xử lý theo quy định.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tĩnh bổ sung nội dung kháng cáo là đề nghị xem xét đến trách nhiệm dân sự, cụ thể buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần, cũng như cấp dưỡng nuôi mẹ của bị hại. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm những người đại diện hợp pháp cho bị hại, cũng như ông Tĩnh không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự; sau khi xét xử sơ thẩm trong thời hạn kháng cáo không có ai có kháng cáo, kháng nghị về phần này, nên bản án sơ thẩm về nội dung này đã có hiệu lực pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm ông Tĩnh bổ sung yêu cầu kháng cáo là vượt ngoài phạm vi kháng cáo theo hướng làm xấu đi tình trạng của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của những người kháng cáo, nhưng sửa bản án sơ thẩm về nội dung tính lại thời gian chấp hành hình phạt tù cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận; người bào chữa cho bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật, đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Đ, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Trọng T là đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2020/HS-ST ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 49 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 11 (mười một) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo (là ngày 14/9/2017).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 46/2020/HS-ST ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại Tạm giam tỉnh Hưng Yên;
- Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

Thái Duy Nhiệm

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số: 488/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo: Nguyễn Thị Đ, tên gọi khác: Không, sinh năm 1971 tại Hưng Yên; nơi ĐKNKTT: Thôn ĐL, xã TD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự với mức hình phạt 11 năm tù.

Căn cứ vào các Điều 299, Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC

VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Đ, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Trọng T là đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2020/HS-ST ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 49 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 11 (mười một) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo (là ngày 14/9/2017).

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí;

Các vấn đề khác:

- Áp dụng khoản 3 Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Thị Đ với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 46/2020/HS-ST ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc cùng ngày; biên bản nghị án đã đọc lại cho các thành viên nghe, cùng ký tên./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Xuân trọng

Vũ Thị Thu Hà

Thái Duy Nhiệm